

Số: 92/QĐ- TKP

Bình Sơn, ngày 07 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách
Quý 2 năm 2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT TRẦN KỲ PHONG

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1957/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán quý 2 năm 2026 của Trường THPT Trần Kỳ Phong;

Thực hiện công văn số 1516/SGDĐT-TC ngày 09/4/2026 của Sở GDĐT Quảng Ngãi về việc triển khai văn bản về công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách nhà nước quý 2 năm 2026 của trường THPT Trần Kỳ Phong theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Hình thức, thời gian và địa điểm công khai:

- Hình thức công khai: công bố tại cuộc họp liên tịch, niêm yết bản tin phòng hội đồng trường THPT Trần Kỳ Phong, đăng trên Cổng thông tin điện tử của Trường THPT Trần Kỳ Phong.

- Thời gian công khai: 30 ngày kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

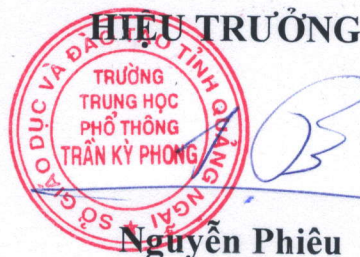
- Địa điểm công khai: Trường THPT Trần Kỳ Phong.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng và các bộ phận liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (b/cáo);
- HT, P.HT;
- Thông báo ở bản tin phòng HĐ;
- Websibe trường;
- Lưu: KT, VT.



**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
QUÝ 2 NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 92/QĐ-TKP ngày 07/7/2026 của trường THPT Trần Kỳ Phong)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Trường THPT Trần Kỳ Phong công khai dự toán thu, chi ngân sách quý 2 năm 2026 như sau:

ĐV tính: đồng

ST T	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện 6 tháng năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ)	Ước thực hiện 6 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	1.626.000.000	-	0%	
1	Học phí	1.626.000.000	-	0%	
2	Lệ phí				
3	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.626.000.000	369.440.016	2,38	
1	Chi sự nghiệp	1.626.000.000	369.440.016	2,38	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.626.000.000	369.440.016	2,38	
	40% để lại thực hiện cải cách tiền lương 2026	650.400.000		0%	
	Tiền công nhân viên hợp đồng và BHXH, BHYT, BHTN	241.444.000	115.381.800	48%	
	Tiền làm việc ngoài giờ, trực lễ, tết...	120.000.000	20.800.000		
	Chi mua vật tư văn phòng	69.500.000	39.187.800	56%	
	Thông tin, tuyên truyền liên lạc:	4.000.000	5.000.000		
	Hội nghị	30.800.000	21.360.000		
	Chi VPP phục vụ chuyên môn	59.980.000	36.960.000	62%	
	Chi phí thuê mướn	134.000.000	31.990.000		
	Khen thưởng	20.000.000			
	Mua sắm	42.000.000		0%	
	Sửa chữa	163.876.000	75.703.416	46%	
	Chi khác	90.000.000	23.057.000	26%	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0		
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	28.127.869.000	13.785.005.751	49,01%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	28.127.869.000	13.785.005.751	49,01%	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

ST T	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện 6 tháng năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo - Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3.	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	28.127.869.000	13.785.005.751	49,01%	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	24.618.000.000	11.693.017.751	47,50%	
	<i>Nhóm chi lương, phụ cấp, đóng BHXH, BHYT, BHTN</i>	<i>21.365.000.000</i>	<i>10.782.179.887</i>	<i>50,47%</i>	
	Tiền lương biên chế	11.916.000.000	6.005.130.768	50,4%	
	Phụ cấp theo lương (BC)	6.322.878.000	3.192.410.493	50,5%	
	Các khoản đóng BHXH, BHYT, BHTN (BC)	3.126.122.000	1.584.638.626	50,7%	
	<i>Nhóm chi hoạt động chuyên môn nghiệp vụ</i>	<i>2.272.000.000</i>	<i>816.633.344</i>	<i>35,94%</i>	
	Chi thừa giờ	60.000.000		0,0%	
	Chi các khoản thanh toán khác cho cá nhân		41.769.000		
	Dịch vụ công cộng	156.000.000	54.241.909	34,8%	
	Vật tư văn phòng	25.088.000	28.072.800	111,9%	
	Thông tin, tuyên truyền liên lạc:	33.200.000	6.764.375	20,4%	
	Phúc lợi tập thể	52.800.000	24.045.000	45,5%	
	Công tác phí	506.800.000	287.020.000	56,6%	
	Nhóm chi chuyên môn nghiệp vụ	1.017.597.000	331.016.060	32,5%	
	Chi phí thuê mượn	99.095.000	15.753.200	15,9%	
	Khen thưởng	276.420.000		0,0%	
	Chi khác	45.000.000	27.951.000	62,1%	
	<i>Nhóm chi mua sắm sửa chữa</i>	<i>981.000.000</i>	<i>94.204.520</i>	<i>9,60%</i>	
	Mua sắm	324.300.000	0	0,0%	
	Sửa chữa thường xuyên	656.700.000	94.204.520	14,3%	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.509.869.000	2.091.988.000	59,6%	
	Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ	105.000.000		0,0%	
	Chính sách giáo dục về người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	70.000.000	9.360.000	13,4%	
	Chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	1.000.000.000	914.800.000	91,5%	
	Chính sách cho giáo viên theo Nghị định 28/2012/NĐ-CP	400.000.000		0,0%	
	Kinh phí thi tốt nghiệp THPT năm 2026	134.869.000	132.010.000	97,9%	
	Kinh phí nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất năm 2025 chuyển sang 2026	1.800.000.000	1.035.818.000	57,5%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

TAO T
HỌC
THÔNG
PHONG
NGẠI

ST T	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện 6 tháng năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ)	Ước thực hiện 6 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				



Bình Sơn, ngày 07 tháng 7 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Phiêu

QUẢNG